

BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU LOẠI HÌNH VĂN KHẮC CHỮ HÁN CỦA NHẬT BẢN

TS. Phạm Thị Thuý Vinh

Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Việt Nam và Nhật Bản là hai quốc gia ở hai khu vực Đông Nam Á và Đông Bắc Á nhưng lại cùng chịu ảnh hưởng của văn hoá Trung Hoa và cùng sử dụng chữ Hán trong lịch sử như là quốc ngữ. Cả hai nước đều có loại hình tư liệu viết bằng chữ Hán được khắc lên đá, đồng và gỗ. Là người nghiên cứu về văn khắc chữ Hán của Việt Nam, tôi rất muốn có điều kiện tiếp xúc với các văn bản chữ Hán của Nhật Bản để tìm hiểu về nội dung cũng như hình thức thể hiện, qua đó so sánh với các văn bản chữ Hán của Việt Nam. Bởi vì ở Việt Nam chưa có bất kỳ thông tin nào cho biết về tình hình tư liệu văn khắc chữ Hán ở Nhật Bản, chưa có học giả nào ở Việt Nam biết gì về nguồn tư liệu này.

Thật may mắn, thời gian vừa qua tôi đã được sang nghiên cứu tại Đại học Hiroshima của Nhật Bản, tại đây tôi đã trực tiếp đọc và khảo cứu các tài liệu về văn khắc chữ Hán của Nhật và đi tham quan khảo sát một số di tích có văn khắc. Sau đây là một số khảo cứu bước đầu dựa trên các tài liệu mà tôi đã nghiên cứu kết hợp với quá trình đi tìm hiểu thực tế tại các địa điểm có lưu giữ văn khắc. Nguồn tài liệu mà chúng tôi đã đọc và khảo cứu tại Đại học Hiroshima gồm những tác phẩm sau:

- *Đại Nhật Bản kim thạch sử* 大日本金石史. Xuất bản năm Đại Chính 10, Thư viện Đại học Hiroshima¹.

- *Nhật Bản kim thạch* 日本金石. □Xuất bản năm 1989, Thư viện Đại học Hiroshima².

- *Nại Lương huyện minh văn tập thành* 奈良縣銘文集 成³ Thư viện Đại học Hiroshima: 1500013852.

- *Nghệ bị bi văn tập* 藝備碑文集, quyển thượng, Xuất bản năm Đại Chính 10, Thư viện Đại học Hiroshima⁴.

- *Sơn khẩu huyện kim thạch văn* 山口縣金石文. Xuất bản năm Bình Thành 2, Thư viện Đại học Hiroshima: 210-02/U14/LD 194728.

- *Tạo tượng minh ký tập thành* 造像銘記集成. Xuất bản năm Chiêu Hoà 60, Thư viện Đại học Hiroshima: 210-02/Ku-48/148418.

- *Kim thạch văn nghiên cứu* 金石文研究. Xuất bản năm Đại Chính 10, Thư viện Đại học Hiroshima: 210-01/Sh-96/0100102310.

- *Bình An di văn* 平安遺文. Xuất bản năm Chiêu Hoà 35, Thư viện Đại học Hiroshima : 210.36/Ta-67/2500054746.

- *Thứ Thành huyện quan hệ cổ đại kim thạch văn tư liệu tập thành* 次成縣觀系古代金石文資料集成. Thư viện Đại học Hiroshima⁵.

Ngoài ra, tôi còn tham khảo một số sách về địa chí, hoặc các tạp chí như *Đại Hoà chí* 大和誌, *Nghệ phan thông chí* 藝番通誌, *Giang Hộ thời đại báo chí* 江護時代報誌, *Khảo cổ học giảng toà* 考古學講座, v.v... Tất cả các nguồn tài liệu này chúng tôi đều mượn đọc tại thư viện của Đại học Hiroshima.

Do thời gian có hạn nên tôi chưa có điều kiện để khảo cứu thêm các văn bản khác để có cách nhìn tổng quan hơn, hy vọng được bổ khuyết sau và được lượng thứ.

1. Một số vấn đề về văn khắc chữ Hán Nhật Bản

Ở đây cần có sự phân biệt về thuật ngữ. Trong nội dung khảo cứu của mình, chúng tôi muốn tiếp xúc và nghiên cứu các văn bản chữ Hán của Nhật Bản được khắc trên đá, đồng, gỗ, tức là chỉ những văn bản được định hình bởi khắc bằng các dụng cụ như dao, đục một cách thủ công. Đó là *minh văn* 銘文 tức là những bài văn được khắc lên những vật thể rắn như đá nêu trên. Chúng tôi nhấn mạnh *loại hình văn khắc chữ Hán*. Nhưng trên thực tế ở Nhật Bản không có sự phân biệt rạch ròi như vậy. Các học giả Nhật Bản gọi tất cả những chữ trên đồng, đá, gỗ là *minh văn* dù chúng được viết bằng mực hay được chạm khắc bằng các dụng cụ khác. Vì thế nội hàm của *minh văn* Nhật Bản rộng hơn *văn khắc* và trong số các minh văn chữ Hán của Nhật Bản còn lại đến nay, số được viết bằng mực lên các vật thể gỗ và đá cũng không phải là ít. Nhưng chúng tôi chỉ quan tâm đến loại hình văn khắc. Sau đây là một số nhận xét bước đầu:

a. Địa điểm lưu giữ văn khắc

Các hiện vật có khắc minh văn của Nhật phần lớn đều được đặt tại các ngôi đền hay còn gọi là *thần xã* 神社 hoặc chùa 寺; trong các quán lưu giữ cổ vật hay còn gọi là *chuyên vật quán* 專物館, một số lượng nhỏ khác đặt tại các địa điểm tự nhiên như các tảng đá bên đường, trên núi hoặc ở tại các tư gia.

b. Chất liệu để tạo văn khắc

Có ba loại chất liệu để tạo văn khắc, đó là đá, đồng và gỗ. Ngoài ra có một số văn

bản được khắc trên ngói và đất. Theo điều tra bước đầu của tôi thì chất liệu đồng để tạo văn khắc chiếm số lượng nhiều nhất.

c. Các hình thức để tạo minh văn

Với chất liệu đá, minh văn được khắc trên bia, cột trụ đá, trên các ngôi tháp, trên mộ chí, trên các pho tượng, trên các cột đèn, lồng đèn hoặc trên các nghiên bút.

Với chất liệu đồng, minh văn được khắc trên chuông, khánh, ngọc (một dụng cụ để gõ lên khi tế lễ) hoặc trên các hộp đựng kinh Phật, trên các ngôi tháp nhỏ bằng đồng, đôi khi minh văn còn được khắc trên các tích tượng để ghi nhớ lưu niệm. Có minh văn được khắc trên những lá đồng có cấu tạo như một chiếc quạt đang xoè ra.

Với chất liệu gỗ, chủ yếu minh văn được khắc trên các pho tượng. Có một số rất ít là các hộp tráp đựng giấy tờ. Ngoài ra còn có minh văn khắc trên những tấm biển gỗ.

Như vậy, trong các hình thức chuyển tải minh văn nói trên thì có một loại hình có mặt ở cả gỗ, đá và đồng, đó là các pho tượng. Tượng được tạo bằng đồng, bằng đá và bằng gỗ, phía sau lưng hoặc trên thân tượng có khắc hoặc viết chữ Hán, đôi chỗ xen kẽ cả chữ Nhật. Đây là hiện tượng rất phổ biến ở Nhật Bản nhưng lại thật hiếm khi xuất hiện ở Việt Nam. Chúng tôi sẽ đề cập đến vấn đề này ở sau.

d. Hình thức hoa văn trang trí

Trong quá trình khảo cứu các tài liệu đã đề cập, kết hợp với quan sát trên thực địa, chúng tôi thấy trên bia đá Nhật Bản rất ít có hoa văn trang trí. Một số bia ở phía trên trán có hình chóp nhọn, thân bia hình chữ nhật. Nhưng phần lớn các bia của Nhật dù là khắc chữ Hán hay chữ Nhật thì đều tạo dáng hình chữ nhật, không có phần trán bia, đáy bia đặt trên bệ đá. Có nhiều bia cổ khắc trên những tảng đá được tạo dáng tự nhiên, chỉ làm phẳng một phía khắc chữ. Còn trên chuông thì hình thức cũng giản đơn. Bộ phận đầu tiên của chuông là đầu rồng, đây là bộ phận tối cao của chuông, sau đó là thân chuông. Thân chuông được chia làm 3 hoặc 4 khu. Khu thứ nhất có những hàng núm nhỏ được khắc lõm ra phía trên thân chuông, điều này hoàn toàn khác với chuông của Việt Nam. Khu thứ hai là những hình vuông hoặc hình chữ nhật đều nhau. Khu ba là những hình chữ nhật nhỏ hơn khu hai. Khu thứ hai và thứ ba được phân tách bởi ba bốn vạch phân chia. Tận góc cùng của các vạch phân chia đó là những núm chuông để gõ. Các núm chuông được trang trí bằng hoa cúc giống như chuông Việt Nam. Minh văn được khắc trên khu ba hoặc trên các gờ bên cạnh dọc theo thân chuông.

Có hai loại hình được quan tâm tỉ mỉ về hoa văn trang trí, đó là ngọc 鄂 loại vật dụng này dùng để gõ lên khi tế lễ và các hộp đựng kinh Phật mà thuật ngữ chữ Hán gọi

là *tương* 箱.

Có rất nhiều motif trang trí trên *ngạc* và *tương*, trong đó chủ yếu là khắc hoa cùng với các hoa văn phụ xung quanh với đường nét rất tinh xảo. Phần chính giữa của loại hình *ngạc* khắc hoa sen, đường diềm ngoài cùng khắc hoa văn là hoa lá, rồng. Minh văn được khắc vào những vòng tròn đồng tâm ở bên cạnh những vòng tròn có khắc hoa văn. Trên hộp đựng kinh Phật, hoa văn được khắc xung quanh, minh văn được viết vào khoảng trống giữa hộp.

e. Nội dung phản ánh

Bước đầu khảo cứu các văn khắc chữ Hán của Nhật Bản, chúng tôi tạm thời đưa ra mấy nội dung chính sau đây:

- Về niên đại: Văn khắc chữ Hán của Nhật Bản có niên đại khá sớm, văn khắc cổ nhất của Nhật Bản là minh văn khắc trên tháp Sương Bàn chùa Nguyên Hưng tỉnh Na Ra niên đại Suy Cổ 4 (595). Sau đó là văn khắc trên lưng tượng Phật Thích Ca niên đại Suy Cổ 13 (605). Nhưng văn khắc chữ Hán của Nhật Bản (qua những tài liệu mà chúng tôi đã khảo cứu) xuất hiện nhiều nhất trong thế kỷ XVI với các niên đại Thiên Văn 天文 (1532-1555), Vĩnh Lộc 永祿 (1558-1570), Thiên Chính 天正 (1573-1592), Khánh Trường 慶長 (1596-1615).

- Về nội dung :

Với loại hình văn khắc sau lưng tượng cho biết niên đại đúc tượng, lý do tạo tượng, tên người đứng ra hưng công tạo tượng, thường là một người hay một nhóm người đứng ra góp tiền tạo tượng với lý do cầu bình yên cho người thân, diệt tội lỗi ở kiếp hiện sinh để kiếp sau được vãng sinh nơi cực lạc.

Với văn bản được khắc trên chuông và khánh đồng: hầu hết ở các minh văn này đều ghi lại ngày tháng năm đúc chuông và sự kiện gì phải đúc chuông. Minh văn cũng cho biết địa điểm treo quả chuông, đó là chùa hay thần xã. Nội dung chủ yếu của minh văn trên chuông là cầu được diệt tội và sinh điều thiện cùng với những triết lý về lẽ sinh diệt của Phật giáo. Chuông và nội dung văn khắc trên chuông đều gắn với tôn giáo. Đại bộ phận các chuông ở Nhật Bản đều đặt ở các đền của tôn giáo như đạo Sinto hoặc chùa của Phật giáo. Các minh văn trên chuông không dài, nội dung giản dị gắn với ước muốn được trường thọ, hưởng niềm vui ở cõi niết bàn, cầu cho cha mẹ, người thân đều được hưởng sự giáo hoá của Phật pháp. Nội dung này xuyên suốt trong các giai đoạn lịch sử khác nhau của Nhật Bản từ thế kỷ VIII, IX đến thế kỷ XVII, XVIII. Cá biệt có một vài văn bản trên chuông có liên quan đến những nhân vật có thế lực ở trong triều đình

đã hưng công đúc chuông tạo thiện duyên sau này.

Với loại văn bản khắc trên bia đá: nếu tính theo tỷ lệ phần trăm thì số lượng bia đá của Nhật Bản qua các tài liệu mà chúng tôi nêu ở trên không nhiều, thậm chí chiếm một vị trí rất khiêm tốn, dưới 5% trong toàn bộ số văn khắc. Nhưng nếu tính tất cả những văn bản được khắc lên đá như cột trụ nhỏ, hàng rào đá xung quanh các ngôi chùa, thần xã, hoặc tượng đá thì số lượng văn bản này nhiều hơn. Nội dung của loại văn khắc trên đá phần lớn là để lưu danh kỷ niệm và ghi ngày tháng năm tạo mình văn. Thảng hoặc có văn bia khá dài kể về một vị hoà thượng người Trung Quốc đời Đường đã sang khuyến giáo ở Nhật Bản như thế nào... Chỉ có tập văn bia của tỉnh Hiroshima *Nghệ bị bi văn tập 藝備碑文集* quyển thượng, là tương đối phong phú liên quan đến nhiều hoạt động khác của đời sống thường nhật ngoài lĩnh vực tôn giáo như: ghi lại việc tòng quân và đấu quân của nhân dân tỉnh Hiroshima dưới thời Minh Trị, ghi lại tiểu sử những nhân vật có đóng góp thiết thực cho quê hương như một vị hiệu trưởng trường trung học dưới thời Minh Trị đã từng sang du học tại Mỹ sau đó trở về quê để mở trường dạy học. Lại cũng có văn bia nói về việc xây dựng cầu, tu sửa chùa, có bia ghi về gia phả một tộc họ nhưng phần lớn những bia này đều ghi sự đóng góp về công sức hoặc tiền bạc của một cá nhân, một gia đình hoặc một nhóm nhỏ người trong các hoạt động trên, điều này khác hẳn với Việt Nam. Ở Việt Nam, muốn xây dựng hoặc tu bổ một công trình, một di tích phải huy động nguồn vốn từ rất nhiều người, mỗi người một ít. Vì thế ở phần ghi tên người đóng góp bao giờ cũng kéo dài từ vài chục người đến hàng trăm người.

Với loại văn bản khắc trên gỗ, hầu hết đây là các văn bản khắc trên các pho tượng như tượng Phật, tượng các vị Bồ Tát, tượng các nhà sư, nên nội dung gắn liền với tôn giáo. Văn khắc trên các pho tượng chiếm số lượng nhiều nhất trong toàn bộ văn khắc chữ Hán của Nhật Bản. Điều này lại phản ánh vai trò rất quan trọng của tôn giáo trong đời sống của người dân Nhật Bản. Trong số các tượng có mình văn thì tượng Phật Thích Ca, tượng A Di Đà, tượng Dược sư Như Lai được khắc nhiều hơn cả, sau đó mới đến tượng Quan Thế Âm Bồ Tát. Các pho tượng phần nhiều được tạo dáng ở thế đứng. Đây cũng là điều khác so với cách tạo tượng Phật ở Việt Nam. Ngoài việc ghi tên người hưng công tạc tượng và lý do tạo tượng thì còn có rất nhiều những bài kinh Phật được khắc lên như là một sự nhắc nhở khuyến chúng sinh tuân theo những giáo lý của Phật giáo để cho bản thân và cha mẹ, người thân cùng được lên chốn cực lạc. Còn có những tấm biển gỗ khắc cả bộ kinh Liên Hoa cho chúng sinh cùng đọc và suy ngẫm.

2. So sánh văn khắc chữ Hán Nhật Bản và Việt Nam

Trước hết là cách nhìn nhận, đánh giá của giới học thuật hai nước về tài liệu văn

khắc chữ Hán.

Ở Việt Nam: Việt Nam là đất nước thường xuyên bị bão lụt thiên tai, vì thế các loại hình văn bản viết trên giấy không thể chống đỡ nổi với thời gian và khí hậu, chúng dễ bị mục nát, hư hại. Mặt khác, Việt Nam từ hàng ngàn năm nay luôn bị các thế lực ngoại xâm đến xâm chiếm. Rất nhiều tài liệu quý đã bị cướp phá và huỷ hoại. Các thư tịch cổ của Việt Nam còn lại đến ngày nay hầu hết là được in và sao chép lại từ cuối thế kỷ XVIII, XIX đến những thập kỷ đầu của thế kỷ XX. Vì thế lượng thông tin có nhiều chỗ cần phải bổ khuyết và đính chính do tam sao thất bản. Trong khi đó các văn bản khắc trên đá, trên đồng, trên gỗ lại còn lưu giữ lại được khá nhiều tư liệu⁶. Vì thế chúng được giới nghiên cứu rất coi trọng và thường được dùng làm tài liệu gốc để đối chứng khi khảo cứu các vấn đề liên quan đến lịch sử, văn hoá, xã hội. Đó là nguồn tài liệu đáng tin cậy nhất vì có niên đại tuyệt đối chính xác và có nhiều giá trị thông tin cao.

Ở Nhật Bản: Theo tôi được biết thì hiện nay nguồn tài liệu văn khắc của Nhật Bản không được giới học thuật đánh giá cao, chúng ít được quan tâm hơn các nguồn tài liệu viết hoặc in trên giấy. Điều này cho thấy một thực tế là Nhật Bản vẫn còn lưu giữ lại được rất nhiều những văn bản gốc viết tay hoặc in trải qua các thời kỳ lịch sử khác nhau từ cổ trung đại đến cận đại với lượng thông tin về lịch sử văn hoá - xã hội rất phong phú. Chỉ riêng xử lý, nghiên cứu các tài liệu này đã quá đủ để tìm kiếm những thông tin trong quá khứ. Có lẽ vì thế mà các nhà nghiên cứu Nhật Bản ít quan tâm đến.

Tuy nhiên, qua những tài liệu về văn khắc chữ Hán của Nhật Bản mà tôi có dịp khảo cứu tại Đại học Hiroshima lại cho tôi một cách nhìn khác về văn khắc chữ Hán Nhật Bản. Nguồn tài liệu này đã từng được sưu tập và biên soạn xuất bản thành sách theo đơn vị hành chính cấp tỉnh trong toàn quốc từ sau Chiến tranh thế giới thứ I và thứ II, hiện được lưu trữ tại từng tỉnh; tại thư viện của Đại học Hiroshima chúng tôi mới chỉ được tiếp cận với các nguồn tài liệu đã nêu ở trên.

- Về hình thức: Nếu ở Nhật Bản có ít văn bia hơn các loại văn khắc trên chuông, trên tượng và các loại khác thì ở Việt Nam lại có rất nhiều văn bia, đây là loại văn bản chiếm số lượng nhiều nhất trong toàn bộ văn khắc chữ Hán của Việt Nam. Văn bia Việt Nam vừa phong phú về nội dung vừa đa dạng về hình thức thể hiện so với văn bia của Nhật Bản. Trên mỗi tấm bia đá của Việt Nam đều có trang trí hoa văn gồm rồng, hoa lá cùng với các con vật liên quan đến đời sống như: chó, ngựa, tôm, cua, cá... tất cả đều đang ở trong tư thế vận động như cá đang đớp mồi, chó ngựa đang chạy, rồng đang uốn mình v.v... Điều này dường như không thấy trong văn bia của Nhật Bản.

- Cả hai nước đều có loại hình văn khắc chữ Hán được khắc trên đá, đồng và gỗ.

Nhưng ở Việt Nam loại văn khắc trên gỗ còn lại không nhiều, chủ yếu là các bức hoành phi câu đối, các biển gỗ treo trong đình làng. Và lại, ở Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến nay mới chỉ tập trung đi sưu tầm tài liệu Hán Nôm trên bia đá, chuông đồng là chính. Những minh văn trên chuông cũng chỉ mới được quan tâm cho in rập vào khoảng vài chục năm trở lại đây. Trước đây, Viện Viễn Đông bác cổ của Cộng hoà Pháp tại Hà Nội chủ yếu cho in rập văn khắc trên bia đá là chính, chỉ có một số rất ít các minh văn trên khánh đá, chuông đồng đã được in rập từ trước năm 1945. Tại Việt Nam cũng có những minh văn được khắc trên các vật dụng như: ấm chén trà, bình gốm, chân đèn... hoặc được viết trên vải lụa nhưng những minh văn loại này ít được quan tâm và chưa được sưu tập đầy đủ. Vì thế, khi nghiên cứu các minh văn chữ Hán của Việt Nam thì đối tượng nghiên cứu chính là các văn bản khắc trên bia đá và chuông khánh đồng.

- Tượng gỗ cổ có niên đại ba bốn trăm năm ở Việt Nam còn khá nhiều nhưng lại không có niên đại chính xác mà chỉ là sự đoán định qua phong cách nghệ thuật của từng thời kỳ. Bởi vì hầu như các loại tượng cổ của Việt Nam không có minh văn. Có lẽ đây cũng là một phong cách của việc tạo tượng ở Việt Nam. Trong khi đó trên tất cả các pho tượng của Nhật Bản đều có minh văn, trên mỗi pho tượng của Nhật đều khắc ghi năm tháng tạo tượng cùng mục đích lý do tạo tượng... Bên cạnh việc khắc chữ Hán cả hai nước đều có khắc chữ của dân tộc mình như chữ Nhật hoặc chữ Nôm của Việt Nam xen lẫn với văn khắc chữ Hán trên các hiện vật.

- Ở Việt Nam, minh văn trên chuông, khánh chỉ chiếm một số lượng rất ít, khoảng từ 3-4% so với toàn bộ văn khắc. Nội dung văn khắc của Việt Nam trong đó đóng vai trò chủ đạo là văn bia đá đề cập đến mọi mặt của đời sống xã hội, nó như là những trang sử của từng làng xã được viết trên đá từ thời kỳ này đến thời kỳ khác. Văn bia của Việt Nam mang tính cộng đồng rất cao vì nó liên quan đến nhiều hoạt động của sinh hoạt làng xã, nhất là giai đoạn từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX. Trong từng bài văn khắc trên bia hoặc chuông bao giờ tầng lớp quan viên làng xã cũng được ghi danh đầu tiên vì họ giữ vai trò chỉ đạo trong các hoạt động chung của làng xã. Điều này chúng tôi không thấy xuất hiện trong văn khắc của Nhật Bản. Văn khắc của Nhật Bản chỉ ghi lại những sự việc của các cá nhân cụ thể hoặc một nhóm nhỏ có liên quan đến nhau. Văn khắc của Nhật Bản mang tính đơn lẻ là chính. Để tạo một pho tượng Phật bằng đá dù nhỏ thì ở Việt Nam bao giờ cũng phải do một nhóm người đứng ra cùng quyên góp tiền của, một cá nhân ít có đủ điều kiện để làm công việc đó. Trong khi ở Nhật Bản chuyên tạo dựng tượng Phật bằng đồng rất bé thế do một người hoặc do một gia tộc đứng ra hưng công lại khá phổ biến. Điều này cho thấy ngay từ thời kỳ trung đại, nền kinh tế của Nhật Bản đã có sự khác biệt khá rõ so với Việt Nam. Mỗi cá thể [qua văn khắc] đều đủ sức đóng góp những

khóan kinh phí không nhỏ để tạo bia, dựng tượng và họ làm với mục đích cá nhân là chính, không phải vì lợi ích chung của cộng đồng. Mục đích hay được đề cập nhất trong văn khắc Nhật Bản là mong muốn được diệt tội lỗi ở kiếp hiện sinh và được lên cõi niết bàn ở kiếp sau. Họ không chỉ mong muốn điều đó cho bản thân, cha mẹ ở kiếp hiện sinh mà còn mong muốn cho cha mẹ anh em ở bảy kiếp trước cùng được hưởng niềm sung sướng ở nơi cực lạc. Về quan điểm này, chúng tôi chưa từng thấy xuất hiện trong văn khắc chữ Hán của Việt Nam. Ở Việt Nam những người thân được nhắc đến trong quan hệ huyết thống chỉ là ông bà, cha mẹ, anh em, con cháu... và như vậy chỉ có ba đến bốn đời thôi, còn khái niệm cha mẹ, anh em bảy đời thì chưa bao giờ được nhắc tới. Cũng ở Việt Nam có quan niệm "*ngũ đại mai thần chủ*" nghĩa là năm đời thì không phải thờ cúng nữa.

- Văn khắc Việt Nam có niên đại cổ nhất còn lại đến ngày nay là văn bia niên đại Tuy Đại Nghiệp 7 (614) ở xã Đông Minh huyện Đông Sơn tỉnh Thanh Hoá, còn văn khắc có niên đại cổ nhất của Nhật Bản là minh văn niên đại Suy Cổ 4 (595). Như vậy nhìn chung về niên đại, văn khắc hai nước không có khoảng cách đáng kể. Nhưng văn khắc chữ Hán của Nhật Bản xuất hiện nhiều nhất trong thế kỷ XVI, còn văn khắc của Việt Nam xuất hiện nhiều nhất vào thế kỷ XVII, XVIII và XIX với các niên đại Chính Hoà 政和 (1680-1704), Vĩnh Thịnh 永盛 (1705-1719), Cảnh Hưng 京興 (1740-1786), Quang Trung 光中 (1788-1792), Tự Đức 嗣德 (1848-1883).

- Văn khắc chữ Hán của cả hai nước đều có nội dung phản ánh về tôn giáo, tín ngưỡng, về những con người cụ thể, về phả hệ và một số mặt của đời sống xã hội. Nhưng ở Nhật Bản nội dung về tôn giáo và tín ngưỡng chiếm đa số còn nội dung liên quan đến đời sống văn hoá - xã hội chỉ là điểm xuyết. Ở Việt Nam, nội dung của văn khắc chữ Hán đề cập đến mọi mặt của đời sống xã hội, từ tín ngưỡng đến kinh tế, văn hoá, giáo dục... Trong số đó nội dung liên quan đến sinh hoạt làng xã như trả nợ thuế Nhà nước, xin giảm sưu dịch, xây đình, dựng chùa, mở mang đường xá, chợ quán, xây văn chỉ vũ chỉ, xây từ đường dòng họ chiếm phần chủ yếu.

- Ở Việt Nam có một loại hình di tích lưu giữ văn khắc mà ở Nhật Bản không có, đó là ngôi đình làng 亭. Tại các ngôi đình của Việt Nam còn lưu giữ khá nhiều tài liệu văn khắc như bia, chuông, biển gỗ (bao gồm cả hoành phi và câu đối).

Qua khảo cứu các tài liệu văn khắc chữ Hán của Nhật Bản, chúng tôi bước đầu đưa ra một vài nhận định có tính chất so sánh với văn khắc chữ Hán của Việt Nam. Trong một bài viết nhỏ với những kiến văn ban đầu, chúng tôi không dám nói đã bao quát được các vấn đề cơ bản. Hy vọng rằng chúng tôi sẽ có điều kiện khảo cứu sâu trên

qui mô rộng hơn nữa cả trên tư liệu và thực địa để có cách nhìn nhận chính xác và tổng quan hơn.

CHÚ THÍCH

1, 2, 3, 4, 5. Ở những tác phẩm này chúng tôi quên không ghi rõ năm xuất bản hoặc ký hiệu thư viện. Chúng tôi sẽ xin khắc phục vào dịp khác.

6. Xem *Chữ trên đá, trên đồng, minh văn và lịch sử*, Hà Văn Tấn, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001.